BIỂU 01: THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CÒN DƯ CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 2861 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đơn vị	Số tiền thu hồi	Nội dung thu hồi	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*	*3*
	Tổng cộng	**53.137,0**		
1	Xã Tân Thành	906,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 861 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 45 triệu đồng.	
2	Xã Vân Nham	1.760,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
3	Xã Hữu Liên	222,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
4	Xã Chi Lăng	2.092,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.877 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện : 215 triệu đồng.	
5	Xã Nhân Lý	164,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
6	Xã Chiến Thắng	33,0	Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	
7	Xã Bằng Mạc	8,0	Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	
8	Phường Kỳ Lừa	4.983,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
9	Xã Cao Lộc	3.391,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 2.541 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 774 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 76 triệu đồng.	
10	Xã Công Sơn	2.105,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 2.022 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 83 triệu đồng.	
11	Xã Ba Sơn	85,0	Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	
12	Xã Lộc Bình	4.884,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	
13	Xã Mẫu Sơn	15,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
14	Xã Na Dương	460,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 343 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 117 triệu đồng.	
15	Xã Lợi Bác	1.805,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.457 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 348 triệu đồng.	
16	Xã Thống Nhất	360,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
17	Xã Xuân Dương	268,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
18	Xã Khuất Xá	401,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 258 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 143 triệu đồng.	

TT	Đơn vị	Số tiền thu hồi	Nội dung thu hồi	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*	*3*
19	Xã Đình Lập	451,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
20	Xã Châu Sơn	773,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
21	Xã Kiên Mộc	255,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
22	Xã Thái Bình	68,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
23	Xã Na Sầm	2.109,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	
24	Xã Văn Lãng	1.727,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.669 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 58 triệu đồng.	
25	Xã Hội Hoan	1.532,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.441 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 91 triệu đồng.	
26	Xã Thụy Hùng	2.725,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 2.666 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 59 triệu đồng.	
27	Xã Hoàng Văn Thụ	37,0	Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	
28	Xã Thất Khê	242,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
29	Xã Tân Tiến	7,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
30	Xã Tràng Định	894,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
31	Xã Quốc Khánh	1.429,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 596 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 833 triệu đồng.	
32	Xã Kháng Chiến	81,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
33	Xã Quốc Việt	27,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
34	Xã Văn Quan	3.383,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 57 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 3.326 triệu đồng.	
35	Xã Điềm He	1.806,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.792 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 14 triệu đồng.	
36	Xã Tri Lễ	2.231,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 2.217 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện : 14 triệu đồng.	
37	Xã Tân Đoàn	1.812,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.793 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện : 19 triệu đồng.	
38	Xã Khánh Khê	141,0	Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	
39	Xã Tân Văn	2.304,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 2.020 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 284 triệu đồng.	
40	Xã Hồng Phong	406,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	

TT	Đơn vị	Số tiền thu hồi	Nội dung thu hồi	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*	*3*
41	Xã Hoa Thám	494,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 15 triệu đồng. Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 479 triệu đồng.	
42	Xã Quý Hòa	210,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 174 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 36 triệu đồng.	
43	Xã Thiện Hòa	290,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 279 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 11 triệu đồng.	
44	Xã Thiện Thuật	105,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
45	Xã Thiện Long	424,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 401 triệu đồng. Thu hồi kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 23 triệu đồng.	
46	Xã Bắc Sơn	2.084,0	Thu hồi kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng	
47	Xã Nhất Hòa	1.148,0	Thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	

BIỂU 02: GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ

(Kèm theo Quyết định số: 2861 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
A	B	1	2
	TỔNG CỘNG	**288.669,0**	
1	Xã Hữu Lũng	6.603,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 4.382 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 317 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.213 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 644 triệu đồng. Kinh phí trợ cấp cho Chủ tịch và phó chủ tịch hội Cựu chiến binh nghỉ việc theo Nghị định 150/NĐ-CP: 47 triệu đồng.
2	Xã Tuấn Sơn	6.076,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 4.691 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 440 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 811 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 134 triệu đồng.
3	Xã Tân Thành	5.758,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 5.432 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 326 triệu đồng.
4	Xã Vân Nham	6.760,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 5.335 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.314 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 111 triệu đồng.
5	Xã Thiện Tân	4.699,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.125 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 462 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 315 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.770 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 27 triệu đồng.
6	Xã Yên Bình	5.483,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.259 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 621 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.535 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 68 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
7	Xã Hữu Liên	2.382,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.286 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 24 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 72 triệu đồng.
8	Xã Cai Kinh	5.556,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 4.519 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 788 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 52 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 197 triệu đồng.
9	Xã Chi Lăng	1.430,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 450 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 291 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 689 triệu đồng.
10	Xã Nhân Lý	5.359,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.349 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 313 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 1.646 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 51 triệu đồng.
11	Xã Chiến Thắng	4.350,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.827 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 870 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 642 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 11 triệu đồng.
12	Xã Quan Sơn	2.629,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.587 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 950 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 92 triệu đồng.
13	Xã Bằng Mạc	13.482,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.242 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.243 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 7.132 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.865 triệu đồng.
14	Xã Vạn Linh	11.161,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.485 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 334 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 5.495 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 2.671 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 35 triệu đồng. Kinh phí mai táng phí: 141 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
15	Phường Tam Thanh	5.121,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.774 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 20 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 937 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 390 triệu đồng.
16	Phường Lương Văn Tri	5.009,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.760 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 371 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 268 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 610 triệu đồng.
17	Phường Kỳ Lừa	2.718,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 775 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.822 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 121 triệu đồng.
18	Phường Đông Kinh	9.052,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 6.065 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 615 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.032 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 1.340 triệu đồng.
19	Xã Đồng Đăng	11.898,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 6.098 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.398 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 3.960 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 442 triệu đồng.
20	Xã Cao Lộc	2.471,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.178 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương: 1.293 triệu đồng
21	Xã Công Sơn	1.785,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.406 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 379 triệu đồng.
22	Xã Ba Sơn	2.317,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.479 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 131 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 707 triệu đồng.
23	Xã Lộc Bình	1.227,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 817 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 294 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 116 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
24	Xã Mẫu Sơn	5.955,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 4.820 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 963 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 142 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 30 triệu đồng.
25	Xã Na Dương	8.922,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 8.584 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 173 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 165 triệu đồng.
26	Xã Lợi Bác	3.491,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.254 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 157 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 63 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 17 triệu đồng.
27	Xã Thống Nhất	9.081,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 7.099 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.567 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 376 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 39 triệu đồng.
28	Xã Xuân Dương	3.867,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.983 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 804 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 54 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 26 triệu đồng.
29	Xã Khuất Xá	3.433,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.352 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 65 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 16 triệu đồng.
30	Xã Đình Lập	5.327,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.026 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.375 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 1.235 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 691 triệu đồng.
31	Xã Châu Sơn	2.108,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 727 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.249 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 132 triệu đồng.
32	Xã Kiên Mộc	4.929,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.621 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.028 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 2.278 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 2 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
33	Xã Thái Bình	2.577,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.127 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.390 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 60 triệu đồng.
34	Xã Na Sầm	3.688,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.284 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 92 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 57 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.119 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 136 triệu đồng.
35	Xã Văn Lãng	3.776,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.750 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.919 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 107 triệu đồng.
36	Xã Hội Hoan	6.420,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.806 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 3.489 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 125 triệu đồng.
37	Xã Thụy Hùng	1.769,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.490 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 136 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 143 triệu đồng.
38	Xã Hoàng Văn Thụ	7.322,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 4.353 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 686 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 78 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 2.205 triệu đồng.
39	Xã Thất Khê	4.502,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.876 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 84 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 122 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 420 triệu đồng.
40	Xã Đoàn Kết	1.128,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 408 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 681 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 17 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 22 triệu đồng.
41	Xã Tân Tiến	2.712,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.086 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.548 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 62 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 16 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
42	Xã Tràng Định	2.402,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.666 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 633 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 103 triệu đồng.
43	Xã Quốc Khánh	3.102,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.489 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 36 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 490 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 87 triệu đồng.
44	Xã Kháng Chiến	2.124,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.054 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 872 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 191 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 7 triệu đồng.
45	Xã Quốc Việt	1.724,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 720 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 828 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 131 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 45 triệu đồng.
46	Xã Văn Quan	273,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 196 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 77 triệu đồng.
47	Xã Điềm He	4.040,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.467 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 537 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 1.036 triệu đồng.
48	Xã Tri Lễ	8.395,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.245 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 2.086 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 147 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 3.917 triệu đồng.
49	Xã Yên Phúc	8.853,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.489 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 508 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 4.092 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 760 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 4 triệu đồng.
50	Xã Tân Đoàn	706,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 103 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 302 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 301 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
51	Xã Khánh Khê	6.687,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 3.259 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 2.003 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 679 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 746 triệu đồng.
52	Xã Bình Gia	3.562,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.736 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 50 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.270 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 506 triệu đồng.
53	Xã Tân Văn	1.791,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.249 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 528 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 14 triệu đồng.
54	Xã Hồng Phong	951,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 666 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 215 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 10 triệu đồng. Kinh phí mai táng phí: 60 triệu đồng.
55	Xã Hoa Thám	1.122,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.121 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 1 triệu đồng.
56	Xã Quý Hòa	1.175,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 888 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 287 triệu đồng.
57	Xã Thiện Hòa	1.575,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.057 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 518 triệu đồng.
58	Xã Thiện Thuật	2.336,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.350 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 956 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 30 triệu đồng.
59	Xã Thiện Long	1.726,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.054 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 252 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 420 triệu đồng.
60	Xã Bắc Sơn	5.438,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.590 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 2.045 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 663 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 140 triệu đồng.

TT	Đơn vị	Số tiền bổ sung	Nội dung bổ sung
61	Xã Hưng Vũ	9.114,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.551 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 475 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 5.083 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 950 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 55 triệu đồng.
62	Xã Vũ Lăng	4.779,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.786 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 494 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 663 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.768 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 68 triệu đồng.
63	Xã Nhất Hòa	2.411,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.897 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 441 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 73 triệu đồng.
64	Xã Vũ Lễ	4.368,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 1.773 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 208 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 380 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.895 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 112 triệu đồng.
65	Xã Tân Tri	5.682,0	Kinh phí thực hiện Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 2.565 triệu đồng. Kinh phí thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 435 triệu đồng. Kinh phí cấp bù lãi suất: 184 triệu đồng. Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn chết buộc phải tiêu huỷ do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: 1.110 triệu đồng. Kinh phí NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng: 1.333 triệu đồng. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 55 triệu đồng.

ính: triệu đồng

TT	Đơn vị	Ghi chú
A	B	3
	TỔNG CỘNG	
1	Xã Hữu Lũng	
2	Xã Tuấn Sơn	
3	Xã Tân Thành	
4	Xã Vân Nham	
5	Xã Thiện Tân	
6	Xã Yên Bình	

TT	Đơn vị	Ghi chú
7	Xã Hữu Liên	
8	Xã Cai Kinh	
9	Xã Chi Lăng	
10	Xã Nhân Lý	
11	Xã Chiến Thắng	
12	Xã Quan Sơn	
13	Xã Bằng Mạc	
14	Xã Vạn Linh	

TT	Đơn vị	Ghi chú
15	Phường Tam Thanh	
16	Phường Lương Văn Tri	
17	Phường Kỳ Lừa	
18	Phường Đông Kinh	
19	Xã Đồng Đăng	
20	Xã Cao Lộc	
21	Xã Công Sơn	
22	Xã Ba Sơn	
23	Xã Lộc Bình	

TT	Đơn vị	Ghi chú
24	Xã Mẫu Sơn	
25	Xã Na Dương	
26	Xã Lợi Bác	
27	Xã Thống Nhất	
28	Xã Xuân Dương	
29	Xã Khuất Xá	
30	Xã Đình Lập	
31	Xã Châu Sơn	
32	Xã Kiên Mộc	

TT	Đơn vị	Ghi chú
33	Xã Thái Bình	
34	Xã Na Sầm	
35	Xã Văn Lãng	
36	Xã Hội Hoan	
37	Xã Thụy Hùng	
38	Xã Hoàng Văn Thụ	
39	Xã Thất Khê	
40	Xã Đoàn Kết	
41	Xã Tân Tiến	

TT	Đơn vị	Ghi chú
42	Xã Tràng Định	
43	Xã Quốc Khánh	
44	Xã Kháng Chiến	
45	Xã Quốc Việt	
46	Xã Văn Quan	
47	Xã Điềm He	
48	Xã Tri Lễ	
49	Xã Yên Phúc	
50	Xã Tân Đoàn	

TT	Đơn vị	Ghi chú
51	Xã Khánh Khê	
52	Xã Bình Gia	
53	Xã Tân Văn	
54	Xã Hồng Phong	
55	Xã Hoa Thám	
56	Xã Quý Hòa	
57	Xã Thiện Hòa	
58	Xã Thiện Thuật	
59	Xã Thiện Long	
60	Xã Bắc Sơn	

TT	Đơn vị	Ghi chú
61	Xã Hưng Vũ	
62	Xã Vũ Lăng	
63	Xã Nhất Hòa	
64	Xã Vũ Lễ	
65	Xã Tân Tri	